

CÔNG TÁC BỒI DƯỠNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC VÀ ĐÀO TẠO CỬ TUYỂN GIAI ĐOẠN HIỆN NAY - THỰC TRẠNG, GIẢI PHÁP

Lê Như Xuyên

Bộ Giáo dục và Đào tạo
Email: lnxuyen@moet.gov.vn

Ngày nhận bài: 28/02/2021
Ngày phản biện: 08/3/2021
Ngày tác giả sửa: 16/3/2021
Ngày duyệt đăng: 22/3/2021
Ngày phát hành: 30/3/2021

DOI:
<https://doi.org/10.25073/0866-773X/506>

Nguồn nhân lực là một trong những nhân tố then chốt quyết định sự phát triển của mỗi quốc gia, mỗi địa phương, mỗi vùng trong bất cứ giai đoạn phát triển. Chính vì vậy, để đẩy nhanh việc đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, Đảng và Nhà nước đã có các chính sách bồi dưỡng dự bị đại học và đào tạo cử tuyển cho con em dân tộc thiểu số, con em gia đình các dân tộc định cư lâu dài tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bài viết phân tích thực trạng bồi dưỡng hệ dự bị đại học và đào tạo cử tuyển trong cả nước thông qua đó đề xuất hệ thống giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hệ bồi dưỡng dự bị đại học và đào tạo cử tuyển hiện nay.

Từ khóa: Dự bị đại học; Đào tạo cử tuyển; Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số; Vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

1. Đặt vấn đề

Trong nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn dành sự quan tâm sâu sắc đến phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN). Hiện nay, chất lượng nguồn nhân lực vùng DTTS&MN tuy có cải thiện, nhưng cơ bản còn thấp so với các khu vực khác. Theo báo cáo kết quả điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 DTTS của Tổng cục Thống kê năm 2019, tỷ lệ nhân lực trong độ tuổi lao động đã qua đào tạo ở những vùng đồng bào dân tộc, miền núi đạt 10,8%, trong khi trung bình của cả nước là 23,1%. Một số nhóm dân tộc thiểu số (DTTS) có tỷ lệ lao động đã qua đào tạo ở mức dưới 3%, thậm chí có những nhóm DTTS gần 100% lao động chưa qua đào tạo. Tỷ lệ người DTTS có trình độ đại học trở lên mới chỉ đạt 3,2%, trong khi trung bình của cả nước là 9,3%. Cơ cấu nhân lực lao động vùng DTTS&MN cũng trái ngược với mặt bằng chung cả nước, chủ yếu tập trung trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chiếm đến 72,3% (cả nước 35,3%), lĩnh vực công nghiệp và xây dựng là 15,1% (cả nước là 29,2%), lĩnh vực dịch vụ là 12,5% (cả nước là 35,5%).

Do đó, việc thực hiện chính sách bồi dưỡng dự bị đại học và đào tạo cử tuyển cho con em DTTS, con em gia đình các dân tộc định cư lâu dài tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn là những giải pháp quan trọng để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho vùng DTTS&MN.

2. Tổng quan nghiên cứu

Trong những năm qua, có nhiều công trình về bồi dưỡng dự bị đại học và đào tạo cử tuyển đã được nhiều tác giả quan tâm, nghiên cứu, trong đó phải kể đến một số công trình nghiên cứu tiêu biểu như:

Nguyễn Hữu Giảng, Hoàng Phương Liên, “Những bất cập cần khắc phục trong chính sách cử tuyển”, Tạp chí điện tử Dân tộc, ra ngày 01/10/2013; Hà Đức Đà, Trương Khắc Chu, “Đổi mới chế độ cử tuyển đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực tại chỗ người dân tộc thiểu số”, Tạp chí Giáo dục, số 428 (Kỳ 2 – 4/2018); Thu Hương, “Hướng đi nào cho trường dự bị đại học”, Báo điện tử Đại đoàn kết, ra ngày 18/09/2019; Vụ Giáo dục dân tộc, “Hoàn thiện các quy định pháp luật về chính sách cử tuyển để nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo cán bộ cho vùng dân tộc thiểu số, miền núi”, Trang Thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo, ra ngày 15/10/2019; “Đề xuất mới về chế độ cử tuyển đối với học sinh sinh viên dân tộc thiểu số”, Báo điện tử Chính phủ, ra ngày 13/03/2020; “Dự bị đại học dân tộc, xét tuyển đại học thế nào?”, Báo điện tử Chính phủ, ra ngày 21/09/2021; Phương Liên, “Gỡ khó cho các trường dự bị đại học”, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, ra ngày 07/09/2020; Minh Thu, Trường Giang, “Học sinh cử tuyển đạt đủ điểm sàn sẽ không cần qua dự bị đại học, cao đẳng”, Báo điện tử Vietnamnet, ra ngày 14/03/2020; Hoàng Thanh, “Đảm bảo việc làm cho sinh viên cử tuyển sau khi tốt nghiệp”, Báo điện tử Dân tộc và Phát triển, ra ngày 17/03/2020;... Nhìn chung, các bài viết đề cập ở trên chỉ dừng lại ở việc tổng hợp, đề xuất chính sách bồi dưỡng dự bị đại học và chính sách cử tuyển; chưa có bài viết nào trình bày thực trạng, phân tích, đánh giá sâu và đưa ra những giải pháp cơ bản, mang tính chiến lược, phù hợp với tình hình thực tiễn phát triển của đất nước hiện nay. Xuất phát từ thực tế trên, trong bài viết này, tác giả phân tích thực trạng, công tác bồi dưỡng dự bị đại học và đào tạo cử tuyển đối với đồng bào DTTS trong thời gian vừa qua; từ đó đề xuất một hệ thống giải pháp cơ

bản, phù hợp, đáp ứng với xu hướng phát triển toàn diện của đất nước ta trong bối cảnh hiện nay.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết này sử dụng một số phương pháp chủ yếu như: Phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu và thống kê toán học qua các báo cáo của các địa phương, các cơ sở giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo hàng năm; các báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng của công tác bồi dưỡng dự bị đại học và đào tạo cử tuyển thời gian qua

4.1.1. Thực hiện bồi dưỡng dự bị đại học cho học sinh dân tộc thiểu số

Về hệ thống các cơ sở bồi dưỡng dự bị đại học: Toàn quốc hiện có 4 trường dự bị đại học là Trường Dự bị Đại học (DBĐH) dân tộc Trung ương Việt Trì, trường DBĐH dân tộc Sầm Sơn, trường DBĐH dân tộc Trung ương Nha Trang, trường DBĐH thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời có 01 trường phổ thông dân tộc nội trú trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo có đào tạo hệ dự bị đại học (trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc) và 04 khoa dự bị đại học dân tộc thuộc các trường đại học (trường Đại học Tây Nguyên, trường Đại học Cần Thơ, trường Đại học Trà Vinh, Học viện Dân tộc). Tổ chức và hoạt động của các trường dự bị đại học thực hiện theo các văn bản do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Về phương thức và quy mô tuyển sinh: Hiện nay, các trường dự bị áp dụng 2 phương thức tuyển sinh là xét kết quả học tập, rèn luyện của 03 năm học Trung học phổ thông (THPT) theo học bạ và xét kết quả thi tốt nghiệp theo tổ hợp môn. Giai đoạn 2010 – 2020, có khoảng 45.000 học sinh DTTS theo học dự bị đại học (trung bình 4500 học sinh/năm). Giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2016, tỷ lệ tuyển sinh DBĐH luôn vượt chỉ tiêu Bộ giao (105%). Tuy nhiên từ năm 2017 đến nay, số lượng học sinh đăng ký vào học DBĐH giảm, tỷ lệ tuyển sinh chỉ đạt khoảng 70% so với chỉ tiêu giao, có trường chỉ tuyển được 50% chỉ tiêu giao. Năm học 2019-2020, số lượng học sinh dự bị tại 04 trường dự bị đại học và trường Phổ thông Vùng Cao Việt Bắc là 2.135 em.

Về thực hiện bồi dưỡng và phân bổ học sinh sau bồi dưỡng DBĐH: Nội dung, chương trình bồi dưỡng DBĐH của từng bộ môn được biên soạn dựa trên đề cương chi tiết 11 môn học DBĐH ban hành kèm theo Thông tư số 48/2012/TT-BGDĐT ngày 11/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nội dung, chương trình, giáo trình có mục tiêu rõ ràng, đáp ứng yêu cầu về bồi dưỡng kiến thức văn hóa. Học sinh được tổ chức ôn tập, bồi dưỡng ba môn theo tổ hợp môn xét tuyển vào học và được bồi dưỡng thêm môn tin học, ngoại ngữ, giáo dục công dân, giáo dục thể chất. Theo quy định, trong năm học dự bị học sinh có 4 bài kiểm tra định kỳ và 2 bài thi học kỳ do

các nhà trường tự thực hiện. Hiệu trưởng các trường đánh giá, xếp loại học sinh cuối năm học.

Về chất lượng bồi dưỡng dự bị và phân bổ học sinh hoàn thành chương trình bồi dưỡng: Hàng năm, tỷ lệ học sinh theo học và hoàn thành chương trình bồi dưỡng dự bị là trên 90%. Hàng năm, có hơn 95% học sinh hoàn thành chương trình DBĐH được phân bổ vào học đại học, chỉ có số ít học hệ cao đẳng. Năm học 2019-2020, tổng số học sinh học tại 04 trường DBĐH và hệ DBĐH của trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc là 2.135 em. Trong đó, 2.027 học sinh (95%) hoàn thành chương trình bồi dưỡng dự bị, có 2.010 học sinh (99,16%) được phân bổ vào các trường đại học, 17 học sinh (0,84%) vào học các trường cao đẳng. Hàng năm, Hiệu trưởng các trường DBĐH trực tiếp làm việc với các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng để thống nhất chỉ tiêu phân bổ. Chỉ tiêu tiếp nhận vào các cơ sở giáo dục đại học được tính trong tổng chỉ tiêu tuyển mới hệ chính quy và không quá 5%.

Về các điều kiện bảo đảm bồi dưỡng DBĐH: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học ở các trường DBĐH dân tộc được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn “Chương trình hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc ít người và vùng còn nhiều khó khăn”. Về cơ bản, cơ sở vật chất thiết bị của các trường đáp ứng được nhu cầu học tập, sinh hoạt của học sinh trong 01 năm học DBĐH. Theo báo cáo của 04 trường DBĐH và hệ DBĐH của trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc, cơ sở vật chất của các trường có thể đáp ứng việc học tập, ăn ở cho trên 4.000 học sinh/năm. Hiện tại, các trường DBĐH có 448 cán bộ công chức, viên chức trong đó 175 viên chức quản lý, nhân viên phục vụ và 273 viên chức giảng dạy. Ngoài các cán bộ, viên chức làm công tác quản lý và giảng dạy, các trường DBĐH còn có đội ngũ nhân viên làm nhiệm vụ nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe học sinh, đóng vai trò quan trọng trong công tác nội trú của nhà trường. Nhìn chung, hầu hết cán bộ, giáo viên công tác tại trường DBĐH đều đạt chuẩn và trên chuẩn đào tạo.

Học sinh trường DBĐH được hưởng học bổng bằng 80% mức lương tối thiểu chung/học sinh/tháng và được hưởng 12 tháng/năm. Ngoài học bổng, học sinh còn được hưởng các chế độ hỗ trợ khác như miễn học phí và các loại lệ phí thi, tuyển sinh; hỗ trợ tiền tàu xe nghỉ hè hoặc nghỉ tết; học phẩm; tiền điện nước, bảo hiểm y tế.... (theo Quyết định số 82/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường DBĐH dân tộc).

Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác tại trường DBĐH, ngoài việc được hưởng các chế độ chính sách như nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường phổ thông công lập, còn được

hưởng mức phụ cấp ưu đãi 70% mức lương hiện hưởng và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung theo Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ. Các chế độ, chính sách cho học sinh và nhà giáo, cán bộ quản lý ở trường DBĐH được thực hiện khá nghiêm túc. Những chế độ, chính sách này cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, giảng dạy và ổn định cuộc sống của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường DBĐH, cũng như hỗ trợ học sinh trong quá trình học tập và sinh hoạt, góp phần thực hiện có hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường.

4.1.2. Thực hiện chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số

Từ năm 2006 đến ngày 23/01/2021, chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên người DTTS thực hiện theo Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ về quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Nghị định số 134/2006/NĐ-CP) và Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2006/NĐ-CP. Đồng thời, học sinh, sinh viên hệ cử tuyển hiện được hưởng các chính sách quy định tại Quyết định số 82/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 và Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg ngày 14/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định về học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021. Theo quy định tại các văn bản trên học sinh, sinh viên hệ cử tuyển hiện được hưởng các chính sách như sau: Được miễn học phí. Hưởng học bổng chính sách bằng 80% mức lương tối thiểu chung/ sinh viên/tháng và được hưởng 12 tháng/năm. Hỗ trợ thiết bị, hiện vật bằng 50% mức lương tối thiểu/ sinh viên trong suốt thời gian học tập.

Tính đến nay, 53 DTTS đều đã có học sinh, sinh viên cử tuyển. Một số DTTS có số học sinh cử tuyển khá đông như: dân tộc Thái chiếm 15,17%, Khmer chiếm 12,46%, Tày chiếm 9,59%, Mông chiếm 8,04%, Dao chiếm 5,58%; một số dân tộc có tỷ lệ cử tuyển khá ổn định như: dân tộc Bru-Vân Kiều, Chăm, Kháng, Pà then, Tà ôi, Xinh Mun. Một số DTTS trước đây rất khó khăn về nguồn tuyển sinh cử tuyển như dân tộc Co, Mảng, Rơ Măm, Cơ Lao, Giẻ -Triêng, Cống, Pà Thên, Lô Lô, La Hủ, Bơ, Lự,... đến nay đã có người học cử tuyển.

Giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2013, có 55/63 tỉnh thành thực hiện chế độ cử tuyển, tổng số học sinh cử tuyển vào các trường đại học, cao đẳng là 12.805 em, đạt 88% chỉ tiêu giao. Số học sinh cử tuyển vào các trường trung cấp chuyên nghiệp là

trên 2.000 học sinh. Từ năm 2015, nhu cầu đào tạo học sinh cử tuyển của các địa phương giảm mạnh. Năm 2015, chỉ còn 24 tỉnh, thành phố có nhu cầu tuyển sinh cử tuyển. Năm 2015, số học sinh, sinh viên cử tuyển trên toàn quốc chỉ còn 615 em; năm 2016 tiếp tục giảm còn 313 em (chỉ chiếm khoảng 20% so với những năm 2010). Từ năm 2017 đến nay, chỉ còn 8 tỉnh gồm: Hà Giang, Lạng Sơn, Điện Biên, Hòa Bình, Phú Yên, Ninh Thuận, Trà Vinh và Bạc Liêu thực hiện chế độ cử tuyển, trung bình số lượng học sinh cử tuyển hàng năm dưới 100 em.

Giai đoạn đầu thực hiện Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ, số học sinh, sinh viên cử tuyển đa số tập trung đăng ký vào học các nhóm ngành như: Y tế (chiếm 25,96 %), Sư phạm (chiếm 23,03 %), Kỹ thuật (chiếm 15,55%), Nông lâm (chiếm 12,91%), Kinh tế (chiếm 16,82%), Xã hội nhân văn (chiếm 5,11%), Nghệ thuật - Thể dục thể thao (chiếm 0,61%). Những năm gần đây, bố trí việc làm sau tốt nghiệp khó khăn nên các ngành Y và Dược tăng lên (35,6%), ngành Sư phạm giảm xuống. Học sinh, sinh viên hệ cử tuyển có ý thức rèn luyện, phấn đấu, có tinh thần đồng đội, đoàn kết, ngoan, chăm chỉ. Tuy nhiên, đa số các em tiếp thu kiến thức chậm, nên gặp nhiều khó khăn trong hoàn thành khóa học, do đó nhiều sinh viên phải học lại với thời gian kéo dài; một số sinh viên học quá kém phải buộc thôi học.

Trong những năm đầu của giai đoạn (2007-2009), số sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng cử tuyển có 852/2.132 em bố trí được việc làm (chiếm khoảng 40%), số sinh viên tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp đa số bố trí được việc làm (chiếm khoảng 95%). Những năm tiếp theo, việc bố trí việc làm cho sinh viên cử tuyển gặp nhiều khó khăn do hình thức tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức đã có nhiều thay đổi theo quy định của Luật Cán bộ, công chức. Chất lượng đào tạo sinh viên cử tuyển thấp ảnh hưởng đến việc đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và yêu cầu của vị trí việc làm; một số ngành nghề đào tạo cử tuyển không phù hợp với nhu cầu nhân lực của địa phương. Từ năm 2011-2015, tỷ lệ phân công công tác đạt 36,15%. Nhiều em trong số sinh viên tốt nghiệp hệ cử tuyển chưa được bố trí việc làm đã tự kiếm việc làm trong các doanh nghiệp, khu công nghiệp tại các địa phương, một số em tham gia lao động sản xuất tại quê hương và chờ đợi được bố trí công tác.

4.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng dự bị đại học và đào tạo cử tuyển, thời gian tới

4.2.1. Đối với công tác bồi dưỡng dự bị đại học

Thứ nhất, thực hiện rà soát, sắp xếp tinh giản bộ máy tổ chức, bố trí việc làm phù hợp cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý trong các cơ sở bồi dưỡng DBĐH. Đồng thời, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ này.

Thứ hai, xây dựng và ban hành quy chế tổ chức

và hoạt động của trường DBĐH phù hợp với tình hình mới. Xây dựng mới khung chương trình, nội dung bồi dưỡng dự bị phù hợp theo hướng phát triển năng lực người học, tăng cường giáo dục giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, công tác hướng nghiệp, bước đầu rèn luyện các kỹ năng học tập ở bậc đại học.

Thứ ba, thực hiện khảo sát nhu cầu nhân lực của các địa phương, tăng cường sự gắn kết giữa địa phương – cơ sở giáo dục DBĐH – cơ sở giáo dục đại học làm căn cứ để xác định quy mô tuyển sinh của các trường DBĐH. Giao thêm nhiệm vụ cho các cơ sở bồi dưỡng DBĐH có đủ điều kiện bồi dưỡng các đối tượng học sinh vùng DTTS&MN được hưởng chế độ, chính sách ưu tiên trong tuyển sinh đại học, cao đẳng, như: đối tượng cử tuyển, đối tượng xét tuyển thẳng theo Nghị quyết 30a, hệ đào tạo theo địa chỉ sử dụng, học sinh các DTTS rất ít người tuyển thẳng vào đại học,....

Thứ tư, tăng cường đầu tư, bổ sung, hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị bảo đảm đáp ứng nhiệm vụ của các nhà trường; tham mưu ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung chế độ chính sách cho người dạy và người học trong các trường DBĐH.

4.2.2. Đối với đào tạo cử tuyển

Một là, hoàn thiện các quy định pháp luật về chế độ cử tuyển: Thực hiện Luật Giáo dục năm 2019, Bộ GDĐT đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên DTTS (thay thế Nghị định số 134/2006/NĐ-CP và Nghị định số 49/2015/NĐ-CP; có hiệu lực thi hành ngày 23/01/2021). Nghị định số 141/2020/NĐ-CP đã tập trung khắc phục những hạn chế, bất cập của công tác cử tuyển thời gian qua về một số nội dung cơ bản sau:

- Về đối tượng cử tuyển: Chỉ còn 02 đối tượng được cử tuyển là người DTTS rất ít người; là người DTTS ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chưa có hoặc có rất ít cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS”.

Nghị định cũng quy định rõ: Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có rất ít cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có tỷ lệ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS chưa đạt theo quy định (tính theo tỷ lệ người DTTS sinh sống trên địa bàn).

- Quy định chặt chẽ các điều kiện, tiêu chuẩn để bảo đảm cử tuyển đúng đối tượng và nâng cao chất lượng đầu vào cử tuyển: Cả 02 đối tượng được cử tuyển nêu trên đều phải đáp ứng tiêu chuẩn chung là: Thường trú từ 05 năm liên tục trở lên tính đến năm tuyển sinh tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; có cha mẹ đẻ hoặc cha mẹ nuôi (hoặc có một trong hai bên là cha đẻ hoặc mẹ đẻ, cha nuôi hoặc mẹ nuôi), người trực tiếp nuôi dưỡng

sống tại vùng này.

- Tuổi của người học cử tuyển không quá 22 tuổi tính đến năm tuyển sinh (quy định này làm giảm độ tuổi cử tuyển từ 25 xuống 22 tuổi so với Nghị định số 134/2006/NĐ-CP). Ngoài ra, đối với từng trình độ đào tạo là đại học, cao đẳng hay trung cấp đều có các tiêu chuẩn riêng mà người được cử tuyển phải đáp ứng. Đối với cử tuyển vào trình độ đại học, người được cử tuyển phải tốt nghiệp trung học phổ thông; Xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học trung học phổ thông đạt loại tốt; Xếp loại học lực năm cuối cấp đạt loại khá trở lên (theo Nghị định số 134/2006/NĐ-CP quy định chỉ đạt từ trung bình trở lên).

Nghị định cũng quy định rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành liên quan; trách nhiệm của cơ sở đào tạo cử tuyển để bảo đảm chất lượng đầu ra; trách nhiệm của người học theo chế độ cử tuyển sau tốt nghiệp trở về làm việc tại địa phương nơi cử đi học và các trường hợp phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo; trách nhiệm của địa phương trong việc xét chọn cử người đi học, phối hợp quản lý trong quá trình đào tạo, tổ chức xét tuyển và bố trí việc làm cho người tốt nghiệp. Nghị định cũng đã quy định việc tổ chức cử tuyển vào các cơ sở đào tạo của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để bảo đảm phù hợp với các luật chuyên ngành và Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước số 29/2018/QH14.

Hai là, tăng cường công tác quản lý Nhà nước về thực hiện chế độ cử tuyển: Các bộ, ngành chức năng cần hướng dẫn các địa phương xây dựng chiến lược, kế hoạch, quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc đảm bảo phát triển cân đối, hài hòa giữa các dân tộc; trong đó có việc xây dựng kế hoạch tổng thể, xác định nhu cầu ngành nghề, trình độ đào tạo cử tuyển và cơ cấu số lượng giữa các dân tộc phù hợp với nhu cầu vị trí việc làm của đơn vị sử dụng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cần phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành cơ quan trung ương và với các địa phương để thực hiện quản lý tốt công tác tuyển chọn, đào tạo và sử dụng sinh viên cử tuyển sau tốt nghiệp.

Ba là, tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra về thực hiện chế độ cử tuyển: Bên cạnh thực hiện thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước về thực hiện chế độ cử tuyển, công tác giám sát việc ban hành, thực hiện chính sách pháp luật phát triển giáo dục, đào tạo vùng DTTS&MN trong đó có chính sách cử tuyển của các cơ quan của Quốc hội và giám sát của xã hội là đặc biệt quan trọng.

5. Thảo luận

Cùng với các kết quả tích cực trong công tác bồi dưỡng DBĐH cho học sinh DTTS như đã trình bày ở trên, việc thực hiện bồi dưỡng DBĐH cho học sinh DTTS trong thời gian qua cũng bộc lộ không ít hạn chế, bất cập như:

Quy mô tuyển sinh DBĐH ngày càng giảm, chất lượng tuyển sinh chưa đồng đều giữa các trường,

có nơi đầu vào còn thấp. Nguyên nhân cơ bản là do học sinh có nhiều cơ hội tiếp cận giáo dục đại học; chất lượng giáo dục bậc trung học tại các địa phương vùng dân tộc ngày càng được nâng cao, đặc biệt là chất lượng của các trường Phổ thông Dân tộc nội trú cấp tỉnh, nhiều học sinh DTTS đã đỗ thẳng vào các trường đại học, cao đẳng theo các phương thức xét tuyển; xu hướng đi học cao đẳng, trung cấp nghề của học sinh DTTS ngày một tăng. Đây là một tín hiệu tốt trong việc nâng cao chất lượng giáo dục vùng DTTS&MN và công tác phân luồng, định hướng nghề nghiệp cho học sinh nhưng cũng đặt ra những khó khăn, thách thức cho công tác tuyển sinh, bồi dưỡng DBĐH.

Công tác tuyển sinh, bồi dưỡng, phân bổ học sinh dự bị vào đại học, cao đẳng chưa thật sự phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực trong mỗi ngành, nghề, lĩnh vực của các địa phương trong tương lai. Do chưa có sự phối hợp gắn kết giữa các cơ sở DBĐH với các địa phương vùng DTTS&MN trong thực hiện nhiệm vụ.

Chất lượng bồi dưỡng DBĐH ở một số trường còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu đào tạo của các trường đại học. Nguyên nhân là do chất lượng tuyển sinh thấp và chương trình bồi dưỡng DBĐH còn nhiều bất cập, chưa phù hợp, phương pháp giảng dạy DBĐH chậm được đổi mới. Khung chương trình, nội dung bồi dưỡng chỉ tập trung ôn tập, củng cố kiến thức, chưa chú trọng hình thành và phát triển năng lực cho học sinh, chưa chú ý đến rèn luyện các kĩ năng học tập ở trình độ đại học (nghiên cứu khoa học, làm việc nhóm,...). Phương thức kiểm tra, đánh giá học sinh dự bị ở một số trường chưa tiệm cận với phương thức thi tốt nghiệp trung học phổ thông hiện nay.

Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học ở các trường DBĐH dân tộc còn hạn chế, một số công trình đã xuống cấp, thiếu đủ dụng cụ dạy học và một số thiết bị đã hư hỏng.

Một số chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên DTTS, trong đó có học sinh DBĐH đã lạc hậu chưa được sửa đổi hoặc ban hành mới: Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 25/5/2009 của liên Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường DBĐH dân tộc hiện có nhiều bất cập đối với việc mua sắm các trang thiết bị và vật dụng cho học sinh, tuy nhiên hiện nay chưa có cơ sở pháp lý để sửa đổi, bổ sung và nâng mức hỗ trợ.

Trong thời gian qua, việc thực hiện chính sách cử tuyển đối với học sinh, sinh viên DTTS, gắn đào tạo với nhu cầu và bố trí việc làm tại địa phương đã đạt được những kết quả tích cực. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS đã được phát triển cả về số lượng và chất lượng thông qua việc thực hiện cử tuyển. Tuy nhiên, công tác cử tuyển cũng còn nhiều hạn chế, bất cập:

Sinh viên cử tuyển tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp tốt nghiệp ra trường chưa được bố trí việc làm còn nhiều. Chất lượng đào tạo sinh viên cử tuyển thấp, do đó khả năng tìm việc ở các doanh nghiệp hoặc ở lại thành phố cũng rất ít do không đáp ứng yêu cầu của vị trí cần tuyển. Khả năng sáng tạo khởi nghiệp, tự lập thân, lập nghiệp của sinh viên cử tuyển còn nhiều hạn chế. Chế độ học bổng chính sách (bằng 80% mức lương tối thiểu/tháng) và tiền hỗ trợ thiết bị (bằng 50% mức lương tối thiểu/01 học sinh trong suốt thời gian học tập) là quá thấp, không đủ để học sinh, sinh viên cử tuyển trang trải các chi phí cho cuộc sống và học tập. Một số học sinh, sinh viên cử tuyển gặp khó khăn do hoàn cảnh kinh tế gia đình không chu cấp thêm được đã phải xin thôi học. Một số ngành đào tạo đặc thù, kinh phí đào tạo lớn (như ngành Y, Dược,...) nhưng chính sách chi trả kinh phí đào tạo theo quy định chung, gây khó khăn cho các cơ sở đào tạo.

Nguyên nhân cơ bản là do việc quán triệt, nhận thức các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về chế độ cử tuyển của một số địa phương chưa đầy đủ dẫn đến tổ chức thực hiện cử tuyển thiếu chặt chẽ, không đồng bộ, có nơi còn thiếu công khai, dân chủ. Trong quá trình thực hiện công tác cử tuyển, nhiều địa phương chưa xây dựng được kế hoạch tổng thể. Việc xác định nhu cầu ngành nghề, trình độ đào tạo cử tuyển và cơ cấu số lượng giữa các dân tộc chưa phù hợp với nhu cầu vị trí việc làm của đơn vị sử dụng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Việc xây dựng chỉ tiêu cử tuyển (ở cấp cơ sở) còn mang tính tự phát, theo cảm tính, thậm chí có nơi cấp xã nhận chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm từ trên phân bổ xuống và dựa vào kết quả đăng ký của học sinh để đề xuất nhu cầu cử tuyển gửi lên cấp trên. Chất lượng nguồn tuyển đầu vào học cử tuyển thấp, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng đào tạo cử tuyển tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng. Công tác phối hợp quản lý, chỉ đạo thực hiện chính sách cử tuyển của các Bộ, ngành ở Trung ương còn nhiều hạn chế, việc hướng dẫn chưa cụ thể nên khó khăn cho các địa phương trong việc triển khai thực hiện. Một số chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên cử tuyển chưa phù hợp, chậm được sửa đổi hoặc ban hành mới; trong đó, đặc biệt là chưa có chính sách hỗ trợ sinh viên cử tuyển không bố trí được việc làm sau khi ra trường. Những khó khăn, bất cập trên cần được tháo gỡ khi thực hiện đồng bộ hệ thống giải pháp.

6. Kết luận

Công tác bồi dưỡng DBĐH và đào tạo cử tuyển trong giai đoạn vừa qua có vai trò to lớn trong việc đào tạo cán bộ, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực, góp phần quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng an ninh ở vùng DTTS&MN; nhiều học sinh các trường, khoa DBĐH và sinh viên cử tuyển đã trở thành các nhà

khoa học, quản lý, doanh nhân... nắm giữ những vị trí quan trọng trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước và doanh nghiệp từ Trung ương đến địa phương. Cùng với sự phát triển nhanh, mạnh của nền kinh tế thị trường, khoảng cách giữa miền núi, nông thôn và thành thị đã dần được thu hẹp, do đó

công tác bồi dưỡng DBĐH và đào tạo cử tuyển cần thiết phải có những định hướng, giải pháp phù hợp hơn với thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả của công tác đào tạo cán bộ và nguồn nhân lực chất lượng cao cho vùng DTTS&MN.

Tài liệu tham khảo

- Chính phủ. (2006). *Quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân*. Nghị định số 134/2006/NĐ-CP.
- Chính phủ. (2015). *Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2006/NĐ-CP*. Nghị định số 49/2015/NĐ-CP.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2011). *Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường dự bị đại học*. Thông tư số 24/2011/TT-BGDĐT, ngày 13/6/2011.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2012). *Ban hành đề cương chi tiết 11 môn học dự bị đại học*. Thông tư số 48/2012/TT-BGDĐT, ngày 11/12/2012.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2013). *Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường dự bị đại học ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BGDĐT*. Thông tư số 41/2013/TT-BGDĐT, ngày 31/12/2013.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2016). *Quy chế tuyển sinh, tổ chức bồi dưỡng, xét chọn và phân bổ vào học trình độ đại học; cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm đối với học sinh hệ Dự bị đại học*. Thông tư số 26/2016/TT-BGDĐT, ngày 30/12/2016.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2017). *Quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên dự bị đại học*. Thông tư số 30/2017/TT-BGDĐT, ngày 05/12/2017.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2019a). *Đánh giá việc thực hiện chính sách giáo dục và đào tạo đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*. Kỷ yếu Hội thảo.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2019b). *Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương nhân viên giáo vụ trong trường PTDTNT; trường THPT chuyên; trường dự bị đại học và trường dành cho người khuyết tật công lập*. Thông tư số 07/2019/TT-BGDĐT, ngày 02/5/2019.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2019c). *Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương nhân viên thiết bị, thí nghiệm trong các trường trung học và trường chuyên biệt công lập*. Thông tư số 08/2019/TT-BGDĐT, ngày 02/5/2019.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Tình hình thực hiện Nghị quyết số 33/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc hội khóa XIV đối với nội dung liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo*. Báo cáo số 664/BC-BGDĐT, ngày 14/8/2020.
- Tổng Cục Thống kê & Ủy ban Dân tộc. (2019). *Kết quả Điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2019*.

UNIVERSITY PREPARATION AND ELECTION TRAINING IN THIS CURRENT STAGE - SITUATION, SOLUTIONS

Le Nhu Xuyen

Ministry of Education and Training
Email: lnxuyen@moet.gov.vn

Received: 28/02/2021
Reviewed: 08/3/2021
Revised: 16/3/2021
Accepted: 22/3/2021
Released: 30/3/2021

DOI:
<https://doi.org/10.25073/0866-773X/506>

Abstract: Human resources is one of the key factors to determine the development of each country, each locality, each region in any development stage. Therefore, in order to speed up the training of highly qualified human resources for ethnic minority and mountainous areas, the Party and the State have adopted policies on university preparation and election training for children of the ethnic minorities, children of ethnic minority families permanently residing in regions with extremely difficult socio-economic conditions. The article analyzes the current situation of university preparation and election training in the whole country through which proposing solutions to improve the quality of university preparation and election training today.

Keywords: University preparation; Election training; Students of ethnic minorities; Ethnic minority and mountainous areas.